

## HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM: MỘT LÝ THUYẾT HỌC TẬP ĐÓNG VAI TRÒ TRUNG TÂM TRONG ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC

Nguyễn Văn Hạnh\*

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-4-2016; ngày phân biên đánh giá: 24-4-2016, ngày chấp nhận đăng: 06-01-2017

### TÓM TẮT

Bài viết đưa ra những lập luận khoa học cho việc tiếp cận mô hình cấu trúc năng lực (CTNL) của Đặng Thành Hưng và mô hình học tập trải nghiệm HTTN của Kolb nhằm giải thích các hoạt động học tập mà người học cần phải trải qua để phát triển năng lực, từ đó đề xuất các mô hình thiết kế bài học theo lý thuyết HTTN trong đào tạo theo năng lực.

**Từ khóa:** lý thuyết học tập trải nghiệm, năng lực, đào tạo theo năng lực.

### ABSTRACT

*Experiential learning: A learning theory playing the key role in competency-based training*

*This article provides the scientific arguments for accessing Dang Thanh Hung's structural model of competency and Kolb's model of experiential learning to explain the learning activities that students need to undergo in order to improve their competency. Thanks to that, the models for designing lessons based on experiential learning theory in competency-based training are recommended.*

**Keywords:** experiential learning theory, competency, competency-based training.

### 1. BỐI CẢNH VÀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Trong suốt thế kỉ XX đến nay, những nhà giáo dục có tư tưởng tiến bộ như Lev Vygotsky, Jean Piaget, Kurt Lewin, John Dewey, David A. Kolb và nhiều nhà giáo dục khác đã quan tâm nghiên cứu về một nền giáo dục tiến bộ (giáo dục phải dựa trên nền tảng kinh nghiệm của người học) đối lập với nền giáo dục truyền thống (giáo dục là sự đào tạo từ bên ngoài; truyền dạy những nội dung gồm kiến thức, kĩ năng, chuẩn mực và nguyên tắc ứng xử đã được phát triển trong quá khứ cho thế hệ sau) [2], [3], [7], [8]. Trong nền giáo dục tiến bộ đó, giá trị của tự do được đề cao, học thông

qua tự trải nghiệm, học tập phải gắn liền với lợi ích của cuộc sống, học là để thích ứng với môi trường cuộc sống luôn thay đổi. Trung tâm trong những nghiên cứu về nền giáo dục tiến bộ là "lý thuyết HTTN" (Experiential learning theory) nhằm mô tả quá trình học tập từ kinh nghiệm của người học, trong đó nổi bật là nghiên cứu của Kolb về lý thuyết HTTN được xuất bản năm 1984. Lý thuyết HTTN đã và đang trở thành xu hướng, nền tảng của giáo dục trong thế kỉ XXI. [4]

Những quan điểm, tư tưởng của nền giáo dục tiến bộ (mà trung tâm là lý thuyết HTTN) cho thấy sự phù hợp với nội dung

\* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên; Email: [hanhutehy@gmail.com](mailto:hanhutehy@gmail.com)

đề án “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” của Đảng – Nhà nước – Bộ Giáo dục và Đào tạo [1]. Trung tâm của đề án đó chính là đổi mới giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển năng lực của người học; giáo dục con người vừa đáp ứng yêu cầu xã hội vừa phát triển cao nhất tiềm năng kinh nghiệm của mỗi cá nhân; tập trung dạy cách học, cách nghĩ và tự học. Do đó, việc nghiên cứu làm rõ vai trò trung tâm của lí thuyết HTTN trong đào tạo theo năng lực là vấn đề rất cần được quan tâm nghiên cứu, là phù hợp với bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

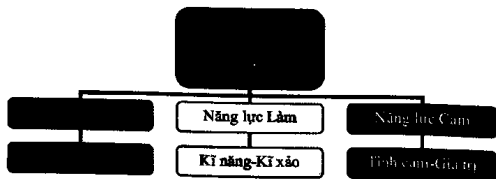
Ở Việt Nam hiện nay đã có nhiều tài liệu khoa học bàn luận về đào tạo theo năng lực nói chung và trong từng lĩnh vực cụ thể nói riêng. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả chỉ tập trung về cách thức tổ chức dạy học theo năng lực, mang lại ý nghĩa về quản lí giáo dục cho giáo viên. Trong khi

đó, vấn đề quan trọng nhất là phải giải thích rõ ràng và tường minh các hoạt động học tập cụ thể mà người học cần phải trải qua để phát triển năng lực cho bản thân thì hầu như chưa được tác giả nào quan tâm làm sáng tỏ. Nghiên cứu này hi vọng sẽ góp phần giải quyết vấn đề nêu trên.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Vai trò trung tâm của lí thuyết HTTN trong đào tạo theo năng lực

Theo Đặng Thành Hưng: “Năng lực (competency) là thuộc tính cá nhân cho phép cá nhân thực hiện thành công các hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong điều kiện cụ thể” [5]. Hiện nay, cấu trúc của năng lực được mô tả dưới nhiều phương diện khác nhau, nhưng nếu xét về bản chất của học tập là quá trình cá nhân hóa các thành phần kinh nghiệm xã hội (tri thức, kĩ năng và tình cảm) thì tiếp cận mô hình CTNL theo các thành phần kinh nghiệm xã hội của Đặng Thành Hưng (Hình 1) là thuyết phục hơn cả, nó được nhiều nhà giáo dục ủng hộ, áp dụng và phát triển trong từng lĩnh vực cụ thể.



Hình 1. Các thành phần kinh nghiệm xã hội phản ánh những năng lực chung nhất của con người

Có thể hiểu về những năng lực chung nhất của con người như sau:

(1) Hiểu biết những tri thức về thế giới và các phương thức hoạt động để thu được tri thức ấy. Đó là Năng lực Hiểu.

(2) Kỹ năng – kỹ xảo để hiện thực hóa các phương thức hoạt động nói trên ở bản thân. Đó là Năng lực Làm.

(3) Kinh nghiệm biểu cảm, thể hiện cảm xúc và giá trị. Đó là Năng lực Cảm.

(4) Sự thống nhất của ba năng lực Hiểu, Làm và Cảm ở cá nhân. Đó là Năng lực Phát triển (Sáng tạo). [5], [6]

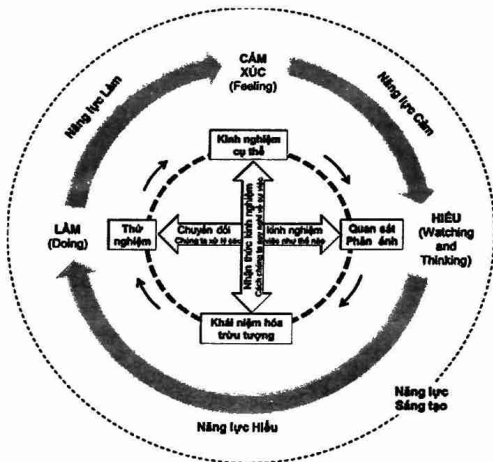
Yếu tố cốt lõi trong bất cứ năng lực cụ thể nào đều là kỹ năng (hoặc những kỹ năng). Trong năng lực Làm, yếu tố kỹ năng được biểu hiện rõ ràng nhất, còn trong năng lực Hiểu và Cảm thì vẫn có kỹ năng, nhưng đó là những kỹ năng hẹp như: phân tích, so sánh, áp dụng công thức, tính toán, kỹ năng biểu đạt cảm xúc, bất bình, hải lòng, ứng xử, phản đối...

Theo Hình 1, năng lực thông qua học tập mà người học có được chính là sự thống nhất hài hòa, không thể tách rời nhau của 3 năng lực Hiểu, Làm và Cảm tạo ra tính toàn vẹn, hình thành năng lực nghề nghiệp mới ở mỗi cá nhân, đưa họ lên trình độ mới, cao hơn, hình thành nên chất mới – năng lực mới ở cá nhân. Năng lực này đặt nền móng cho năng lực Phát triển, thúc đẩy sự Sáng tạo trong nghề nghiệp ở mỗi cá nhân, Sáng tạo được xem như là thuộc tính cá nhân, làm nảy sinh những ý tưởng mới và được xem là năng lực Phát triển ở mỗi cá nhân.

Đào tạo theo năng lực có hai mặt: 1) Xem năng lực là mục tiêu đào tạo, là kết quả giáo dục; và 2) Xem năng lực là kinh nghiệm nền tảng, là chỗ dựa của giáo dục,

đặc biệt là kinh nghiệm nền tảng của người học (Vygotsky) [5]. Đào tạo theo năng lực phải thực hiện cả hai phương diện trên. Do đó, muốn đào tạo theo năng lực có hiệu quả thì trước hết giáo viên phải hiểu biết được kinh nghiệm nền tảng của người học, sau đó xác định mục tiêu đào tạo (kết quả giáo dục) phù hợp với nhu cầu xã hội. Như vậy, bản chất chung nhất của đào tạo theo năng lực là việc phát triển kinh nghiệm nền tảng của người học theo hướng đáp ứng mục tiêu đào tạo.

HTTN chính là lí thuyết học tập đóng vai trò trung tâm trong đào tạo theo năng lực, bởi vì nó chỉ ra các hoạt động học tập cụ thể của người học để phát triển kinh nghiệm nền tảng (hay kinh nghiệm cụ thể) hướng đến mục tiêu đào tạo. Trung tâm trong lí thuyết HTTN của Kolb là một mô hình HTTN (*Kolb's model of experiential learning*) mô tả quá trình học tập từ kinh nghiệm của người học thông qua bốn giai đoạn: 1) *Kinh nghiệm cụ thể* (học tập thông qua các hoạt động, hành vi, thao tác cụ thể, trực tiếp gắn với bối cảnh thực tế); 2) *Quan sát phản ánh* (học tập thông qua quan sát các hoạt động do người khác thực hiện hoặc chiêm nghiệm lại bản thân, suy ngẫm và đúc kết những ý tưởng trải nghiệm mới); 3) *Khái niệm hóa trừu tượng* (học tập thông qua việc xây dựng các khái niệm, tổng hợp và phân tích những gì quan sát được); và 4) *Thử nghiệm* (học tập thông qua những đề xuất, thử nghiệm các phương án giải quyết vấn đề) [7], [8], [9]. Để giải thích sự phát triển năng lực từ kinh nghiệm nền tảng của người học, chúng tôi đã kết hợp mô hình HTTN của Kolb và mô hình CTNL của Đặng Thành Hưng (xem Hình 2).



*Hình 2. Mô hình HTN của Kolb và sự phát triển năng lực của người học*

Học tập sẽ xuất phát từ một mâu thuẫn giữa Kinh nghiệm cụ thể và Khái niệm hóa trừu tượng, hiểu đơn giản thì đó chính là mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết. Người học sử dụng các kinh nghiệm nền tảng đã có để trải nghiệm trong các tình huống thực nhằm giải quyết vấn đề, kết quả của các giá trị thực tế của kinh nghiệm nền tảng được phân xét bởi tư duy sẽ đưa đến những ý tưởng mới, cách làm mới và cố gắng áp dụng thử nghiệm những ý tưởng mới đó để giải quyết vấn đề, từ đó người học đúc rút ra kinh nghiệm mới và những kinh nghiệm này sẽ được sử dụng cho lần trải nghiệm tiếp theo. Quá trình này liên tục diễn ra theo hình xoắn ốc sẽ đưa

kinh nghiệm nền tảng đã có phát triển hướng đến mục tiêu đào tạo. Qua mỗi chu trình học tập, người học sẽ phát triển các năng lực Hiểu, Làm, Cảm và Sáng tạo. Cụ thể như sau:

Năng lực Cảm được phát triển khi cá nhân trải nghiệm các kinh nghiệm đã có trong các tình huống thực, họ biểu lộ cảm xúc với việc học, biết được lợi ích của việc học với bản thân, sự phân xét giá trị kinh nghiệm đã có trong tình huống thực sẽ cho họ thấy được giá trị và ý nghĩa của việc học tập, điều này sẽ kích thích sự suy nghĩ, tìm kiếm và xử lý thông tin, làm tiền đề cho sự phát triển năng lực Hiểu.

Năng lực Hiểu được phát triển khi cá

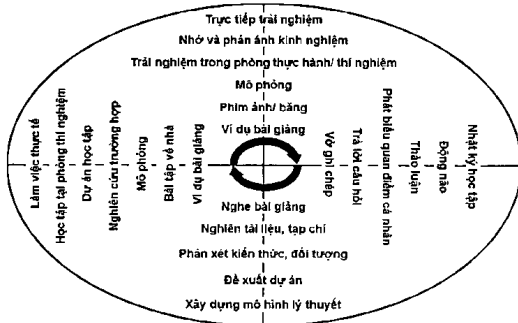
nhân thu thập và xử lý các dữ liệu, thông tin có được nhờ sự phân xét giá trị của kinh nghiệm nền tảng trong tình huống thực, qua đó, người học sáng tạo ra ý tưởng mới, cách làm mới, giải pháp mới để giải quyết vấn đề gặp phải. Kết quả của quá trình này là những khái niệm mới và phương thức hoạt động để thử nghiệm những khái niệm mới nhằm giải quyết vấn đề, làm tiền đề cho sự phát triển năng lực Làm.

Năng lực Làm được phát triển khi người học thử nghiệm những khái niệm mới trong việc giải quyết vấn đề. Đó là quá trình người học hiện thực hóa mối quan hệ giữa những hành động và hệ quả xảy ra sau đó để làm sáng tỏ những ý nghĩa, giá trị

của khái niệm mới, giải pháp mới do mình khám phá ra.

Sự phát triển và hợp nhất của các năng lực Hiểu, Làm, Cảm sẽ là tiền đề cho sự phát triển năng lực Sáng tạo, đưa người học lên trình độ mới, có được năng lực mới sau mỗi chu trình học tập, hướng đến mục tiêu đào tạo.

Để giúp giáo viên dễ dàng áp dụng mô hình HTTN của Kolb trong đào tạo theo năng lực, chúng tôi định hướng một số hoạt động HTTN tương ứng với bốn giai đoạn học tập làm căn cứ để giáo viên có thể thiết kế hoạt động trải nghiệm cho người học (xem Hình 3).



Hình 3. Hiệu quả một số hoạt động HTTN

Hình 3 cho thấy giáo viên có thể lựa chọn và thiết kế các hoạt động HTTN với sự tham gia chủ động của người học tương ứng với bốn giai đoạn học tập. Những hoạt động ở vành ngoài của mô hình cho phép

một sự tham gia chủ động của người học lớn hơn trong quá trình học tập, trong khi gần trung tâm sẽ hạn chế sự tham gia của người học. Tùy thuộc vào điều kiện dạy học cụ thể và đặc điểm của người học mà

giáo viên nên cố gắng lựa chọn các hoạt động ở vành ngoài, vì sẽ thúc đẩy sự học tập chủ động của người học, họ sẽ trở thành các “diễn viên chính” của lớp học.

## 2.2. Các mô hình thiết kế bài học theo hướng phát triển năng lực của người học

Theo Hình 2, việc học tập có thể bắt đầu từ bất cứ giai đoạn nào trong mô hình HTTN của Kolb tùy thuộc vào mục tiêu và nội dung học tập, đặc điểm của người học và việc tổ chức dạy học của giáo viên. Với mỗi nội dung học tập cụ thể (trương ứng với một khái niệm sự kiện, sự vật, bài tập, nguyên lí...) của bài học, người học luôn phải trải qua bốn giai đoạn học tập cơ bản, tương ứng với mỗi giai đoạn học tập sẽ là những hoạt động HTTN. Mặt khác, kết quả giáo dục trong mỗi nội dung học tập cụ thể sẽ thường nhấn mạnh đến sự phát triển của một trong ba năng lực Hiểu - Làm - Cảm hơn những năng lực còn lại. Vì vậy, chúng ta có thể phân chia làm ba loại mô hình thiết kế bài học là: 1) Mô hình thiết kế bài học Cảm - Hiểu - Làm; 2) Mô hình thiết kế bài học Hiểu - Làm - Cảm; và 3) Mô hình

thiết kế bài học Làm - Cảm - Hiểu.

### 2.2.1. Mô hình thiết kế bài học Cảm - Hiểu - Làm (xem Bảng 1)

Trong mô hình này, tương ứng với mỗi nội dung học tập của bài học, giáo viên cho người học được trải nghiệm bày tỏ kinh nghiệm của mình trong những tình huống thực tế/nhiệm vụ học tập trong môi trường cho phép sự an toàn, sau đó là các hoạt động quan sát và phản ánh giá trị kinh nghiệm đã có của bản thân để thấy được những thiếu sót, từ đó tìm kiếm sự giúp đỡ của giáo viên và bạn bè nhằm xây dựng khái niệm mới và thử nghiệm để giải quyết được vấn đề. Đây chính là học tập qua sai lầm, qua chia sẻ kinh nghiệm và cảm xúc. Mô hình Cảm - Hiểu - Làm nhấn mạnh đến sự phát triển Năng lực Cảm hơn các năng lực khác. Vì vậy, nó phù hợp với những người học có xu hướng về nghệ thuật, giàu trí tưởng tượng và tình cảm, quan tâm đến hoạt động của mọi người như: Tiếng Anh, Lịch sử, Triết học, Chính trị học, Ngôn ngữ học, Âm nhạc, Diễn viên...

**Bảng 1. Khung thiết kế bài học Cảm - Hiểu - Làm**

Hoạt động Nội dung	Hoạt động học tập				Hoạt động dạy học	Học liệu, phương tiện, thời gian
	Kinh nghiệm cụ thể	Quan sát phản ánh	Khái niệm hóa trừu tượng	Thử nghiệm		
Nội dung 1	Hoạt động 1.1	Hoạt động 1.2	Hoạt động 1.3	Hoạt động 1.4	Hoạt động 1	Phiếu bài tập - 10'
Nội dung 2	Hoạt động 2.1	Hoạt động 2.2	Hoạt động 2.3	Hoạt động 2.4	Hoạt động 2	Thí nghiệm - 20'
Nội dung 3	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...

Khi thiết kế bài học, giáo viên căn cứ vào mục tiêu đào tạo để thiết kế các nội dung học tập, tương ứng với mỗi nội dung học tập, giáo viên sẽ thiết kế lần lượt bốn hoạt động HTTN (hoạt động 1.1, 1.2, 1.3, 1.4) để dẫn dắt người học đi qua bốn giai đoạn của việc học tập. Căn cứ vào những hoạt động học tập, giáo viên sẽ thiết kế các hoạt động dạy học, học liệu, phương tiện và thời gian tương ứng.

**2.2.2. Mô hình thiết kế bài học Hiểu - Làm - Cảm**

Năng lực Hiểu (bao gồm tri thức về thế giới và những phương thức hoạt động để có được tri thức) được phát triển qua hai giai đoạn học tập là Quan sát phản ánh và Khái niệm hóa trừu tượng, nên mô hình thiết kế bài học Hiểu - Làm - Cảm có hai mô hình nhỏ.

(i) *Mô hình thiết kế bài học Hiểu (Quan sát phản ánh) - Làm - Cảm (xem Bảng 2)*

Học tập được bắt đầu bằng việc

người học sử dụng kinh nghiệm đã có để quan sát hoạt động của người khác hoặc của chính bản thân mình trong những sự kiện, tình huống, bằng chứng thực tế... Qua đó, họ suy ngẫm nhằm kết nối những kinh nghiệm đã có đến những kiến thức mới trong mỗi nội dung học tập. Từ những kiến thức mới đó, người học tiến hành thử nghiệm và rèn luyện để có được kinh nghiệm mới. Người học coi trọng vai trò của lí thuyết khoa học hơn thực tiễn, giáo viên thường dạy học bằng những bài giảng và sự phân tích hợp lí, có logic hệ thống. Đây chính là **học bằng suy nghĩ lí trí. Mô hình Hiểu (Quan sát phản ánh) - Làm - Cảm nhấn mạnh đến sự phát triển năng lực Hiểu (dưới dạng nhận thức các tri thức khoa học về thế giới) hơn những năng lực khác.** Vì vậy, mô hình này phù hợp với những người học có xu hướng về thông tin xã hội và khoa học tự nhiên như: Toán, Vật lí, Hóa, Kinh tế, Xã hội học, Sinh học...

**Bảng 2. Khung thiết kế bài học Hiểu (Quan sát phản ánh) - Làm - Cảm**

Hoạt động Nội dung	Hoạt động học tập				Hoạt động dạy học	Học liệu, phương tiện, thời gian
	Quan sát phản ánh	Khái niệm hóa trừu tượng	Thử nghiệm	Kinh nghiệm cụ thể		
Nội dung 1	Hoạt động 1.1	Hoạt động 1.2	Hoạt động 1.3	Hoạt động 1.4	Hoạt động 1	Phiếu bài tập - 10'
Nội dung 2	Hoạt động 2.1	Hoạt động 2.2	Hoạt động 2.3	Hoạt động 2.4	Hoạt động 2	Thí nghiệm - 20'
Nội dung 3	v.v.	v.v.	v.v.	v.v.	v.v.	v.v.

(ii) *Mô hình thiết kế bài học Hiểu (Khái niệm hóa trừu tượng) - Làm - Cảm (xem Bảng 3)*

Tương ứng với mỗi nội dung học tập, việc học sẽ bắt đầu bằng việc áp dụng những

khái niệm mới, trừu tượng trong việc đề xuất các ý tưởng mới, cách làm mới, giải pháp mới nhằm giải quyết nhiệm vụ học tập. Qua đó, người học tiến hành các hoạt động thử nghiệm, rèn luyện để có kinh nghiệm mới.

quan sát, suy ngẫm lại những gì đã học, từ đó rút ra chân lí, giá trị của tri thức. Đây chính là học qua làm việc. Mô hình **Hiểu (Khái niệm hóa trừu tượng) - Làm - Cảm** nhấn mạnh đến sự phát triển năng lực **Hiểu** (dưới dạng nhận thức các phương

**thức hoạt động để có được tri thức**) hơn các năng lực khác. Vì vậy, mô hình này phù hợp với những người học có xu hướng về kĩ thuật, công nghệ, như: Kĩ thuật xây dựng, Sinh thái học, Cơ khí, Động lực, Kĩ thuật hóa học...

**Bảng 3. Khung thiết kế bài học Hiểu - Làm - Cảm**

Hoạt động Nội dung	Hoạt động học tập				Hoạt động dạy học	Học liệu, phương tiện, thời gian
	Khái niệm hóa trừu tượng	Thử nghiệm	Kinh nghiệm cụ thể	Quan sát phản ánh		
Nội dung 1	Hoạt động 1.1	Hoạt động 1.2	Hoạt động 1.3	Hoạt động 1.4	Hoạt động 1	Phiếu bài tập - 10'
Nội dung 2	Hoạt động 2.1	Hoạt động 2.2	Hoạt động 2.3	Hoạt động 2.4	Hoạt động 2	Thi nghiệm - 20'
Nội dung 3	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...

### 2.2.3. Mô hình thiết kế bài học Làm - Cảm - Hiểu (xem Bảng 4)

Việc học tập bắt đầu bằng việc thử nghiệm những phương thức hoạt động để có được tri thức, trong suốt quá trình này, người học liên tục đánh giá và điều chỉnh cách làm để nhằm đạt được mục tiêu học tập dưới sự giúp đỡ của giáo viên và bạn bè. Sau hoạt động thử nghiệm là việc áp dụng vào thực tiễn cuộc sống để có được những kinh nghiệm mới cho bản thân, những quan sát suy ngẫm về kinh nghiệm

mới sẽ giúp người học hiểu biết sâu sắc hơn về những hoạt động thử nghiệm đã tiến hành trước đó. Đây chính là học qua sao chép bất chước. Mô hình **Làm - Cảm - Hiểu** nhấn mạnh đến sự phát triển năng lực **Làm** hơn những năng lực khác. Vì vậy, mô hình này phù hợp với những người học có xu hướng về tiếp thị, bán hàng, thuyết phục người khác như: Công tác xã hội, Quản lí giáo dục, Doanh nhân, Y học, Kiến trúc...

**Bảng 4. Khung thiết kế bài học Làm - Cảm - Hiểu**

Hoạt động Nội dung	Hoạt động học tập				Hoạt động dạy học	Học liệu, phương tiện, thời gian
	Thử nghiệm	Kinh nghiệm cụ thể	Quan sát phản ánh	Khái niệm hóa trừu tượng		
Nội dung 1	Hoạt động 1.1	Hoạt động 1.2	Hoạt động 1.3	Hoạt động 1.4	Hoạt động 1	Phiếu bài tập - 10'
Nội dung 2	Hoạt động 2.1	Hoạt động 2.2	Hoạt động 2.3	Hoạt động 2.4	Hoạt động 2	Thi nghiệm - 20'
Nội dung 3	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...	v.v...



### 3. Kết luận

Nghiên cứu đã làm sáng tỏ vai trò trung tâm của lí thuyết HTTN trong đào tạo theo năng lực. Sự kết hợp giữa mô hình HTTN của Kolb và mô hình CTNL của Đặng Thành Hưng đã giải thích được các hoạt động học tập của người học nhằm

phát triển năng lực Hiểu, Làm, Cảm và Sáng tạo. Giáo viên cần căn cứ vào sở thích, chuyên môn nghề nghiệp, kinh nghiệm nền tảng đã có của người học để lựa chọn mô hình thiết kế bài học theo hướng tích cực hóa nhằm mang lại hiệu quả cao trong học tập.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, ngày 04 tháng 11 năm 2013.*
2. Dewey, J. (1938, 1998 by Kappa Delta Pi), *Kinh nghiệm và giáo dục: The 60<sup>th</sup> Anniversary Edition*, bản dịch của Phạm Anh Tuấn, Nxb Trẻ năm 2011, TP Hồ Chí Minh.
3. Dewey, J. (1916), *Dân chủ và giáo dục*, Phạm Anh Tuấn dịch, Nxb Tri thức, 2014, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Hạnh, Lê Thị Thu Thủy (2015), “Lí thuyết học tập dựa vào trải nghiệm: Lí luận và thực tiễn”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội của Hiệp hội các trường Đại học và Cao đẳng Việt Nam*, số 53 (114), tháng 8/2015, tr.54-50.
5. Đặng Thành Hưng (2012), “Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực”, *Tạp chí Quản lí giáo dục*, số 43, tháng 12/2012, Hà Nội.
6. Đặng Thành Hưng, Trịnh Thị Hồng Hà, Nguyễn Khải Hoàn, Trần Vũ Khánh (2012), *Lí thuyết phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
7. Kolb, D (1984), *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, N.J: Prentice-Hall.
8. Kolb, D. A., Boyatzis, R., & Mainemelis, C. (2001), *Experiential learning theory: Previous research and new directions*. In R. Sternberg & L. Zhang (Eds.), *Perspectives on cognitive learning, and thinking styles*: 228-247. Mahwah, NJ: Erlbaum.
9. Kolb, D. A & A. Y (2005), *Learning Styles and Learning Spaces: Enhancing Experiential Learning in Higher Education*, *Academy of Management Learning & Education*, Vol. 4, No. 2 (Jun., 2005), pp. 193-212.